TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Trọn.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh Q - Sinh năm: 1990; địa chỉ: 434 ấp T, xã Q, huyện G, tỉnh BT. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thanh N - Sinh năm: 1986. Địa chỉ: 93/9 ấp C, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2020, bản tự khai ngày 20/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Q trình bày: bà và ông N tự nguyện tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện G, tỉnh BT ngày 05/5/2015. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến bà Q bất mãn với hành động thiếu trách nhiệm của ông N. Tháng 6/2018 bà N nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện CL yêu cầu ly hôn, sau khi hòa giải bà Q đồng ý rút đơn cho ông N cơ hội hàn gắn, nhưng từ khi hòa giải cho đến nay thì cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2017 bà Q và ông N đã sống ly thân cho đến nay. Bà Q cho rằng duy trì cuộc

hôn nhân là áp lực và hành hạ tinh thần nhau nên nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: bà Q và ông N có một người con chung tên Trần Công D, sinh ngày 10/10/2015, hiện đang sống chung với bà Q. Khi ly hôn, bà Q được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông N dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2020 nêu: bà Q xin ly hôn ông đồng ý. Về con chung: ông chấp nhận nuôi con, nếu không ông sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho con. Ông bà không có tài sản và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Q cụ thể về hôn nhân: ghi nhận thuận tình ly hôn của bà Q với ông N; con chung: giao cho bà Q nuôi con, bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, bà Q có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Thanh N nên đây là vụ kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Thanh N có nơi cư trú là ấp C, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2020, bị đơn (ông N) có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong buổi xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, bà Q, ông N có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện G, tỉnh BT vào ngày 05/5/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân của bà Q và ông N: Bà Q cho rằng giữa bà với ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn là có cơ sở. Bởi lẽ, vào năm 2018 bà Q đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau khi được Tòa án tiến hành hòa giải thì bà Q cho ông N cơ hội hàn gắn nên bà rút đơn khởi kiện, Tòa ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 236/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018. Mặc khác, theo biên bản xác minh ngày 11/8/2020 cho thấy từ sau khi bà Q sinh con thì bà không còn sinh sống tại nhà chồng (xã Đ) nữa mà về nhà ba mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Bà Q cũng đã nhận định cuộc hôn nhân của bà và ông N nếu tiếp tục duy trì sẽ gây áp lực và

hành hạ tinh thần nhau, ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay mà không hàn gắn được. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2020, ông N cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Q.

Vì vậy, trên cơ sở lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông N đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ để chấp nhận.

Bà Q, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu về con chung: bà Q và ông N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Theo biên bản xác minh ngày 11/8/2020 cho thấy từ sau khi sinh cháu D, bà Q đã đưa cháu D về nhà ba mẹ ruột sinh sống cho đến nay, ông N không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian qua của bà Q. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện sống ổn định cho cháu Trần Công D, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho bà Q tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp. Bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà Q, ông N đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, bà Q có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh Q cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Huỳnh Thị Thanh Q được ly hôn với ông Trần Thanh N. Bà Q, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Huỳnh Thị Thanh Q được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Trần Thanh N là

cháu Trần Công D, sinh ngày 10/10/2015, hiện cháu đang sống chung với bà Q. Bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà Q, ông N có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Thanh Q phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà Q nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0011297, ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà Q, ông N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã Q, huyện G;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG